

VẬN DỤNG CA DAO, TỤC NGŨ VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TẠI TRƯỜNG ĐHSPT NGHỆ THUẬT TW

ĐINH VĂN HOÀNG

Email: van.hoang.78@gmail.com

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW

APPLYING FOLK SONGS AND PROVERBS IN TEACHING MARXIST – LENINIST PHILOSOPHY AT NATIONAL UNIVERSITY OF ARTS EDUCATION

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Bài viết đưa ra một số hiểu biết chung về ca dao, tục ngữ; về mối quan hệ giữa ca dao, tục ngữ trong việc giảng dạy triết học Mác - Lênin; tìm hiểu và lựa chọn một số câu ca dao, tục ngữ phù hợp với một số quan điểm, nguyên lý, quy luật của triết học Mác - Lênin để đưa vào giảng dạy nhằm giúp sinh viên dễ tiếp cận những tri thức triết học với sự hứng thú khi nhận thấy những tư tưởng đó không quá trừu tượng mà rất gần gũi trong đời sống và biết áp dụng nó vào thực tiễn.

Từ khóa: Vận dụng ca dao, tục ngữ, triết học Mác – Lênin, Vận dụng ca dao, tục ngữ giảng dạy triết học Mác – Lênin

This paper focuses on some general understanding of folk songs and proverbs and their relationship to teach Marxist – Leninist philosophy. This paper also researches and choose some folk songs and proverbs which are suitable to Marxist - Leninist philosophical principles to teach students. As a result, students are becoming enjoyable to the philosophical concepts which they used to consider them as a vivid subject. Also, students can analyze and manipulate philosophical thoughts into their real life.

Keywords: Applying folk songs and proverbs, Marxist – Leninist philosophy, Applying folk songs and proverbs in teaching Marxist – Leninist philosophy

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Triết học Mác - Lênin là một môn học thuộc nhóm các môn lý luận chính trị, mang tính trừu tượng, khái quát hóa cao. Theo Từ điển Triết học The Oxford Companion to Philosophy: “Triết học là tư duy về tư duy”. Vì là môn học về tư duy nên đây là một môn học khó. Đã từ lâu, khi nói đến môn học này, sinh viên (SV) thường truyền nhau, hoặc định sẵn dù chưa học rằng đây là môn học khô khan, khó hiểu, ít có giá trị thực tiễn nên thường không có ý thức tự giác học tập, học một cách đối phó. Thực trạng này do nhiều nguyên nhân, trong đó một trong những nguyên nhân cơ bản là do phương pháp giảng dạy và truyền thụ kiến thức của giảng viên còn mang nặng tính kinh nghiệm, giáo điều, ít gắn lý luận với thực tiễn. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy và học tập Triết học Mác - Lênin, một trong những biện pháp quan trọng là làm cho những nguyên lý, quy luật mang tính trừu tượng, khái quát gắn với thực tiễn cuộc sống; lấy những ví dụ cụ thể để nói về những cái trừu tượng, dùng những cái cá biệt, cái riêng để nói lên cái chung... tức gắn triết học với cuộc sống thực tiễn.

Ca dao, tục ngữ là kho tàng dân gian Việt Nam, được hình thành và đúc kết thông qua quá trình lao động vất vả, qua cuộc đấu tranh quyết liệt với tự nhiên và xã hội... là kho tàng kinh nghiệm vô cùng quý báu của ông cha ta. Ca dao, tục ngữ thuộc về hình thái ý thức xã hội, nó thể hiện tư tưởng, quan điểm của người Việt Nam và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn lịch sử khác nhau. Trong ca dao, tục ngữ Việt Nam cũng hàm chứa những tư tưởng triết lý nhân sinh. Ca dao, tục ngữ có đặc điểm là dễ nhớ, dễ hiểu và dễ đi vào lòng người. Do đó, việc vận dụng ca dao, tục ngữ trong giảng dạy và học tập triết học Mác - Lênin sẽ góp phần làm cho bài học trở nên sinh động, dễ hiểu và có giá trị thực tiễn.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm ca dao, tục ngữ và mối quan hệ giữa ca dao, tục ngữ trong việc giảng dạy triết học Mác - Lênin

Theo Đại từ điển Tiếng Việt: “Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có vần điệu, lưu truyền trong dân gian, đúc kết tri thức, kinh nghiệm thực tiễn của con người về tự nhiên, xã hội, cuộc sống, đạo lý ở đời” [6;169].

EDUCATION

Còn “Ca dao là thể thơ dân gian được lưu truyền dưới dạng những câu hát” [6; 165].

Với những khái niệm trên, chúng ta có thể thấy ca dao, tục ngữ có nội dung phản ánh tương đối đa dạng, phong phú; từ tri thức, kinh nghiệm về thế giới, con người, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất cho đến biểu hiện đời sống tình cảm của con người đối với thế giới xung quanh. Dù ca dao, tục ngữ chưa phản ánh đời sống hiện thức một cách khái quát và trừu tượng như triết học nhưng cũng biểu hiện một số quan điểm duy tâm, duy vật, biện chứng khi lý giải thế giới; nó cũng biểu hiện quan niệm của người Việt về nhân sinh quan, bản chất của con người, về mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thế giới tự nhiên, xã hội, về vai trò của con người trong thế giới đó...

Việc vận dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy triết học Mác - Lênin sẽ giúp SV hiểu được bản chất của những khái niệm trừu tượng trong triết học và nhận ra mối quan hệ giữa triết học và cuộc sống.

Kho tàng ca dao, tục ngữ rất phong phú nhưng không phải câu nào cũng có thể vận dụng vào trong các bài học. Một câu ca dao, tục ngữ hay có thể vận dụng cho nhiều nội dung bài học đồng thời với một nội dung cũng có thể vận dụng nhiều câu ca dao, tục ngữ để bài học hấp dẫn hơn. Sau đây là một số ví dụ minh họa việc vận dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy học phần triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó chúng ta có thể khẳng định những giá trị về mặt chất lượng trong những giờ giảng triết học có vận dụng ca dao, tục ngữ để minh họa cho những kiến thức trừu tượng của triết học.

2.2. Vận dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy học phần triết học Mác – Lênin

2.2.1. Vận dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy Chương: Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Trong lịch sử triết học luôn diễn ra sự đấu tranh không ngừng nghỉ giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, cuộc đấu tranh đó cũng chính là nguyên nhân cho sự phát triển của triết học, cho sự phát triển của tư duy. Cơ sở phân định các trường phái triết học này dựa trên việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học: giữa vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào; con người có thể nhận thức được thế giới hay không.

Trong quá trình tìm hiểu về thế giới khách quan thường với những câu hỏi như vũ trụ này do đâu mà có? Tại sao có mưa, nắng, lũ lụt, biển cả? Tại sao sinh ra được muôn loài?, người Việt cũng có những lý giải khác nhau, có lý giải mang tính duy tâm và cũng có những lý giải mang tính duy vật.

Ví dụ như:

Non cao ai đắp mà cao?
Sông kia ai bới, ai đào mà sâu?
Nước non là nước non trời
Ai ngăn được nước ai dời được sông?

Mặc dù người dân chưa lý giải được nguồn gốc của vũ trụ nhưng có quan điểm duy vật khi cho rằng thế giới vật chất tồn tại khách quan, không do thần linh nào tạo ra, độc lập với ý thức con người.

Về mặt thế giới quan, ca dao, tục ngữ Việt Nam đã phản ánh những nhận thức có tính duy vật tự phát, thừa nhận sự tồn tại và vận động khách quan của thế giới không phụ thuộc vào con người:

"Chạy trời không khỏi nắng"
"Chạy mưa không khỏi trời"
"trời", "nắng", "mưa" ở đây chính là hiện thực khách quan.

Hay như câu: “Trăng đến rằm trăng tròn, sao đến tối thì sao mọc” lý giải hiện thực khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của con người.

Khi giảng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, vật chất là cái quyết định ý thức chúng ta cũng có thể lựa chọn được những câu tục ngữ thể hiện mối quan hệ này như:

- “Có thực mới vực được đạo”

Hay:

- “Phú quý thì sinh lễ nghĩa”
- Bần cùng sinh đạo tặc

và ý thức cũng có sự tác động trở lại vật chất:

“Ngọc kia chuốt mãi cũng tròn
Sắt kia mài mãi cũng còn nên kim”

Khi chúng ta không ngừng nỗ lực, chăm chỉ và quyết tâm thực hiện đến cùng thì sẽ thay đổi được hiện thực và gặt hái được thành công.

Từ xưa người Việt Nam đã có cách nhìn tổng thể về bức tranh sinh động của thế giới vật chất. Đó là tính thống nhất trong sự vận động, biến đổi và phát triển không ngừng của thế giới, đó là các sự vật luôn nằm trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Từ sự quan sát các hiện tượng tự nhiên trong đời sống thường ngày, người Việt đã thấy được sự tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng, có sự ràng buộc nhất định giữa chúng. Đó chính là mối liên hệ phổ biến, tính nhân quả, sự vận động và phát triển không ngừng của thế giới tự nhiên, xã hội:

Có cây mới có dây leo.
Có cột có kèo mới có đòn tay

Hoặc là:

Người có lúc vinh lúc nhục,
Nước có lúc đục lúc trong

EDUCATION

Sự vật hiện tượng luôn thay đổi, không có cái gì là bất biến. Các sự vật và hiện tượng không tồn tại độc lập, tách rời nhau: mà giữa chúng có những mối liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau và ảnh hưởng đến nhau:

Thối thường gần mực thì đen
Anh em bạn hữu phải nên chọn người
Những người lâu lỏng chơi bời
Cùng là lười biếng ta thời tránh xa

Khi giảng về nguyên lý về sự phát triển, chúng ta có thể vận dụng những câu ca dao, tục ngữ sau:

- Tre già, măng mọc
- Con chị nó đi, con dì nó lớn
- Con hơn cha là nhà có phúc

Qua những câu ca dao - tục ngữ trên, SV hiểu được mối liên hệ phổ biến, phát triển có tính khách quan bởi nguồn gốc của nó nằm trong chính bản thân sự vật, hiện tượng; sự vật hiện tượng luôn tồn tại trong vô vàn các mối liên hệ, sự vật hiện tượng mới ra đời từ sự vật hiện tượng cũ, chứ không phải ra đời từ hư vô.

Đối với các quy luật hay các cặp phạm trù của Triết học Mác – Lênin, cũng có thể sử dụng rất nhiều các câu ca dao, tục ngữ để minh họa giúp sinh viên dễ hiểu và tạo hứng thú hơn cho bài học như:

“Chẳng chua cũng thể là chanh
Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây”

Qua câu trên, SV sẽ hiểu hơn thế nào là “chất”, phân biệt sự khác nhau giữa sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác phải căn cứ vào thuộc tính vốn có của nó. Sự khác nhau về “chất” giữa các sự vật còn chịu quy định bởi phương thức liên kết giữa các yếu tố cấu thành sự vật. Mỗi sự vật có một phương thức liên kết riêng, quy định bản chất của nó so với các sự vật khác:

Sự biến đổi về “lượng” vượt quá độ sẽ dẫn đến sự thay đổi về “chất” của sự vật, điều này biểu hiện trong ca dao - tục ngữ:

- Tích tiểu thành đại
- Góp gió thành bão
- Kiến tha lâu cũng đầy tổ
- Năng nhặt chặt bị
- Nước chảy đá mòn

Để minh họa cho các cặp phạm trù cơ bản của triết học Mác – Lênin, chúng ta cũng rất dễ để tìm được những câu ca dao, tục ngữ mà hầu như SV nào cũng đã từng nghe:

- Gieo gió gặt bão
- Trèo cao thì ngã đau
- Ở hiền gặp lành
- Không có lửa làm sao có khói

Đó là những câu ca dao, tục ngữ có thể dùng để minh

họa cho cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả; còn để minh họa cho cặp phạm trù nội dung – hình thức thì có: Trông mặt mà bắt hình dong.

Đối với mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng, bản chất bao giờ cũng bộc lộ qua hiện tượng có thể được minh họa qua ví dụ sau:

- "Người khôn dòn ra mặt"
- "Khôn ngoan hiện ra nét mặt,".

Triết học Mác - Lênin cho rằng nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người, nhận thức là một quá trình biện chứng có vận động và phát triển, là quá trình đi từ chưa biết đến biết, từ biết ít tới biết nhiều, từ chưa đầy đủ đến đầy đủ hơn.; và khẳng định vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Cho dù chưa khái quát những tư tưởng đó bằng lý luận, nhưng thông qua hoạt động thực tiễn, ông cha ta cũng đã đúc rút ra rất nhiều kinh nghiệm quý báu để truyền lại cho các thế hệ sau những tri thức về lao động sản xuất trong nông nghiệp như:

- Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống
- Tháng chạp thì mắc trông khoai,
- Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà.
- Tháng ba cày vỡ ruộng ra,
- Tháng tư bắc mạ thuận hòa mọi nơi.
- Tháng năm gặt hái vừa rồi,
- Bước sang tháng sáu lúa trời đầy đồng...

2.2.2. Vận dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy
Chương: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, là kết quả của sự vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội - và đây là một trong hai phát kiến vĩ đại của C.Mác. Cái chìa khóa mà C.Mác tìm ra khi lý giải về lịch sử loài người chính là: con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo... được. Cho dù không phải là những luận giải sâu sắc về quy luật phát triển của xã hội loài người, nhưng ông cha ta cũng đã nhận ra một cách chất phác về tư tưởng ấy: “Có thực mới vực được đạo”; hay muốn tồn tại được thì phải lao động để kiếm sống: “Có làm thì mới có ăn, không dung ai để đem phần đến cho”, và cái quyết định cho sự phát triển của xã hội chính là sản xuất vật chất, là lao động: “Thế gian giàu bởi chữ cần, Có mà lười biếng thì thân chẳng còn” hay “Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ”.

Triết học Mác - Lênin cũng khẳng định vai trò cách mạng của công cụ lao động đối với sự phát triển của xã hội loài người, chúng ta cũng có thể tìm những câu ca dao, tục ngữ thể hiện tầm quan trọng của việc cải tiến công cụ lao động để tăng năng suất lao động:

EDUCATION

Muốn ăn cá cả, phải thả câu dài

Hay có thể giải thích rộng hơn: ngoài việc phải cải tiến công cụ lao động, thì còn cần phải nâng cao trình độ, sự bền bỉ, dẻo dai, kiên trì, chịu được áp lực thì mới đi đến thành công. Như vậy, nguyên nhân của sự phát triển chính là sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất, mà tính cách mạng nhất nằm ở sự phát triển của công cụ lao động.

Trong sản xuất vật chất cũng hình thành những mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, hình thành mối quan hệ giữa người với người và cũng trong quá trình ấy làm nảy sinh nhu cầu trao đổi thông tin, tâm tư tình cảm, truyền đạt kinh nghiệm cho nhau và hình thành các mối quan hệ xã hội. Những câu ca dao, tục ngữ sau giúp minh họa cho mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:

- Ta về ta rủ bạn ta
Ruộng ta ta cấy, vườn ta ta trồng
Có làm thì hẳn có trông
Can chi châu chực mà mong của người
- Ru nhau đi cấy đi cày
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày vợ cấy con trâu đi cày.

Những câu ca dao trên tuy mới phản ánh mối quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, về quan hệ phân phối sản phẩm, về phân công lao động xã hội một cách giản đơn nhưng cũng cho thấy mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất còn quan hệ sản xuất giữ vai trò tác động trở lại lực lượng sản xuất. Sự phát triển của xã hội là kết quả của sự tác động biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Khi lực lượng sản xuất có sự phát triển cả về tính chất, trình độ mâu thuẫn với quan hệ sản xuất đã lỗi thời, lạc hậu, đòi hỏi phải phá bỏ quan hệ sản xuất cũ. Trong xã hội có giai cấp, mâu thuẫn này được biểu hiện về mặt xã hội thành mâu thuẫn giữa các giai cấp cơ bản có lợi ích đối lập nhau trong phương thức sản xuất. Trong xã hội phong kiến Việt Nam, sự mâu thuẫn này cũng được miêu tả rất rõ trong những câu ca dao sau:

- Éch kêu dưới vũng tre ngâm
Éch kêu mặc éch, tre dầm mặc tre.
- Con ơi nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.
- Trông lên cừ bộ trùng trùng.
Cũng là gấm vóc tía hồng nguy nga.
Nhìn về đồng ruộng bao la,
Cùng đình đóng khổ phơi da mình trần
Và khi mâu thuẫn đạt tới đỉnh cao thì sẽ dẫn tới cách mạng xã hội: “Con giun xéo lắm cũng quằn”.
- Chém cha lũ Nhật côn đồ!
Bắt người cướp của tha hồ thẳng tay

Dân ta trăm đắng, ngàn cay
Thóc ăn chẳng có, trồng cấy cho người!

- Ruộng ta ta cấy, ta cày,
Không nhường một tấc cho bầy Nhật, Tây.
Chúng mày lảng vảng tới đây
Rủ nhau gậy cuốc, đuổi ngay khỏi làng.

Chính thông qua cách mạng xã hội mà quan hệ sản xuất cũ được xóa bỏ, quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất được xác lập, xã hội thực hiện bước chuyển từ hình thái kinh tế - xã hội thấp lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, tiến bộ hơn.

3. KẾT LUẬN

Tục ngữ, ca dao là một kho tàng kinh nghiệm được đúc kết từ ngàn đời nay của ông, cha ta. Với đặc điểm dễ nhớ, dễ hiểu và dễ đi vào lòng người, giảng viên có thể sử dụng ca dao, tục ngữ vào minh họa một số kiến thức của môn học Triết học Mác – Lênin vốn được coi và khó và trừu tượng đối với SV. Việc vận dụng này sẽ giúp khơi dậy ở SV niềm say mê học tập môn học, hiểu và tăng cường khả năng liên hệ, phân tích, vận dụng tư tưởng triết học vào cuộc sống.

Để khai thác và sử dụng hiệu quả ca dao, tục ngữ trong dạy học triết học Mác - Lênin, trước hết đòi hỏi giảng viên phải nắm vững kiến thức môn học, lựa chọn được những câu ca dao, tục ngữ vừa dễ nhớ, dễ phân tích, dễ nắm bắt và quan trọng là phù hợp với nội dung kiến thức cần giảng dạy. Bên cạnh đó, giảng viên cần kết hợp việc sử dụng tục ngữ, ca dao với các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học khác để tránh việc lạm dụng một phương pháp nào hơn cả nhằm đem đến sự phong phú, đa dạng và hứng thú cho bài giảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.
2. Bùi Văn Dũng (2014). “Triết lý về mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên trong tục ngữ Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5, tr.78.
3. Vũ Hùng (2006), “Tìm hiểu những yếu tố triết học (hay triết lý dân gian) trong tục ngữ Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, số 12, tr.31.
4. Hoàng Thúc Lân (2017). “Nâng cao chất lượng dạy và học Triết học Mác-Lênin qua việc vận dụng ca dao, tục ngữ cho sinh viên hiện nay”, *Bản tin Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, tr.1.
5. Vũ Ngọc Phan (2007). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Văn học.
6. Nguyễn Như Ý (2011). *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.